TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT
Ngày: 17/5/2019
V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**
Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích**
Bà **Trịnh Cẩm Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Hà Thị Hiệp** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 9 thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Đội 9 thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đinh Ngọc P** – Luật sư Văn phòng luật sư Y, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 30 đường Q, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Trần Đình M**, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X: Ông **Đinh Ngọc P** – Luật sư Văn phòng luật sư Y, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 30 đường Q, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Xóm 5 xã A, huyện V, thành phố P.

- Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo:

- Bà **Trần Thị L** và chị **Trần Thị T –** nguyên đơn.
- Ông **Trần Đình M** – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Bà L và chị T trình bày:

Cụ Trần Đình I và cụ Nguyễn Thị N (Bùi Thị N hay cụ I vì gọi theo tên của chồng) có 04 người con gồm bà Trần Thị V, bà Trần Thị X, ông Trần Đình M và bà Trần Thị L (mẹ đẻ chị). Cụ Trần Đình I đã chết từ lâu.

Năm 1993, hộ gia đình chị gồm có 03 người là chị, mẹ chị là bà Trần Thị L và bà ngoại chị là cụ Trần Thị I, được Nhà nước giao đất nông nghiệp với tổng diện tích là 1579m^2. Vào ngày 25/10/1998, hộ gia đình chị được UBND huyện G cấp GCNQSDĐ đối với 1579m^2 nêu trên, mục đích sử dụng để trồng cây hàng năm với thời hạn sử dụng 20 năm, gồm 04 thửa đất cụ thể như sau:

- Tờ bản đồ số 10b, số thửa 82/15, diện tích 178m^2, tại đồng Bưởi;
- Tờ bản đồ số 10b, số thửa 157/8, diện tích 604m^2, tại đồng Ta;
- Tờ bản đồ số 10b, số thửa 85/9, diện tích 378m^2, tại đồng Ta dộc;
- Tờ bản đồ số 10a, số thửa 12/3, diện tích 419m^2, tại đồng Trong.

Đến năm 2003, Nhà nước có chủ trương dồn ô đổi thửa, hộ gia đình chị được dồn về khu vực đồng Trong với diện tích đất nông nghiệp được giao là 1644m^2. Tại thời điểm này chị còn nhỏ tuổi, mẹ và bà ngoại chị thì yếu nên thủ tục dồn ô đổi thửa cũng như làm hợp đồng chuyển đổi mục đích sử dụng đất với UBND xã Đ như thế nào trên mảnh đất của hộ gia đình chị, chị không nắm được cụ thể. Đến năm 2005 UBND xã Đ tiến hành đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp thì hộ gia đình chị được giao hợp lệ là 1875m^2. Sau khi nhận đất, hộ gia đình chị không sử dụng mà vợ chồng ông Trần Đình M và bà Hoàng Thị H đã đào ao để thả cá trên một phần diện tích đất nông nghiệp mà hộ gia đình chị được giao. Thời gian đào ao hộ gia đình chị không có ý kiến gì nhưng đến khoảng cuối năm 2005 do có mâu thuẫn nên mẹ con chị không nhất trí cho vợ chồng ông M, bà H đào ao thả cá nữa. Mặc dù ông M, bà H đã đào ao xong nhưng chưa thả cá. Hiện trạng thửa đất vẫn còn nguyên từ thời gian đó đến nay.

Cụ thể: Phần diện tích đất đã được đào ao khoảng hơn 1000m^2, phần diện tích còn lại là đất trống. Trên đất chỉ có một số cây ngắn ngày như cây chuối, cây ổi là do mẹ con chị trồng, không liên quan đến vợ chồng ông M, dưới ao không có ai thả cá. Đến năm 2012 cụ Trần Thị I (còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị N, Bùi Thị N) chết không để lại di chúc. Mẹ chị đã nhiều lần trao đổi với vợ chồng ông M là trả lại phần đất ruộng mà mẹ con chị được hưởng theo quy định của pháp luật, còn phần đất ruộng mà cụ I được hưởng thì anh chị em trong gia đình sẽ chia thừa kế theo quy định nhưng vợ chồng ông M không nhất trí. Do không thỏa thuận được nên bà L và chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

+ Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ I (tức N) cho 4 người con theo quy định của pháp luật là 625m^2 đất nông nghiệp (phần đất này nằm trong tổng số 1875m^2 đất mà UBND xã giao cho hộ gia đình gồm ba khẩu) thuộc thửa đất số 735 tờ bản đồ số 05, địa chỉ: khu đồng Trong, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vì đây là đất nông nghiệp gắn liền với phần đất của mẹ con bà L nên bà L đề nghị Tòa án chia đều cho các đồng thừa kế nhưng có nguyện vọng lấy bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

+ Yêu cầu vợ chồng ông M bà H phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã đào ao trên phần đất nông nghiệp hợp pháp của mẹ chon bà L.

+ Ngày 04/9/2018 bà L có đơn khởi kiện bổ sung: Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông M bà H khi trả lại đất cho mẹ con bà phải san lấp mặt bằng đối với diện tích đất ao. Trường hợp ông bà không san lấp thì đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông M bà H phải trả bằng tiền tương ứng với số tiền đào ao là 68.191.000đ.

Ông M và bà H trình bày: Ông M là con đẻ của cụ I (tên gọi khác là Nguyễn Thị N, Bùi Thị N); bà L là em gái ông còn chị T là cháu ông. Ông M và bà H có quan hệ vợ chồng. Thành phần gia đình ông như bà L trình bày là đúng.

Năm 1993 Nhà nước giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình trong toàn xã thì hộ gia đình cụ I gồm 03 khẩu (cụ I, bà L và chị T) cũng được giao 1579m^2 đất nông nghiệp ở 04 xứ đồng khác nhau. Đến năm 2003 thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa thì gia đình ông bà có trao đổi với cụ I là đổi đất ruộng: Gia đình ông bà sẽ sử dụng phần đất ruộng mà cụ I và mẹ con chị T được giao ở đồng Trong để ông bà đào ao thả cá còn hộ gia đình cụ I sử dụng phần đất phía trong làng của gia đình ông. Cụ I nhất trí, việc thỏa thuận trên chỉ là lời nói không lập thành văn bản. Đến khoảng năm 2004 cụ I cùng vợ chồng ông bà ra UBND xã làm hợp đồng chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây, chăn nuôi, thả cá. UBND huyện và UBND xã đồng ý với việc chuyển mục đích sử dụng đất trên nên ông bà đã ra khu vực đồng Trong để đào ao. Thời gian đầu mẹ con chị

T không có ý kiến gì, sau khi ông bà đào ao xong thì mẹ con chị không cho ông bà thả cá. Vì có mâu thuẫn nảy sinh nên cho dù ao đã đào xong nhưng ông bà không thả cá cũng không khai thác sử dụng thửa đất trên từ năm 2004 đến nay. Về diện tích thửa đất: Ông bà chỉ được biết UBND xã tiến hành đo lại hiện trạng sử dụng vào năm 2005 thì toàn bộ diện tích của khu đồng Trong giao cho hộ gia đình cụ I là 1875m^2 thuộc tờ bản đồ số 05, thửa đất số 735. Về hiện trạng thửa đất: Tại thời điểm này ao do ông bà đào không có ai thả cá, trên phần đất chưa đào ao thì mẹ con chị T có trồng một số cây ăn quả như cây ổi, cây chuối…không liên quan đến ông bà. Nay quan điểm của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và chị T như sau:

+ Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế: Ông M nhất trí yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L là chia đều 625m^2 cho 04 anh chị em, ông có nguyện vọng lấy bằng hiện vật. Ông và bà V cũng đã trao đổi với nhau, bà V nhận phần di sản của mẹ để lại nhưng cho lại ông, ông nhất trí nhận. Do vậy ông đề nghị Tòa án chia phần di sản của ông và của bà V được hưởng cho ông. Ông không nhất trí hưởng di sản bằng tiền.

+ Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất: Ông bà xác định phần đất ruộng nằm trong thửa đất số 735 tờ bản đồ 05 ở khu đồng Trong là của chị T và bà L nên ông bà nhất trí trả lại toàn bộ diện tích đất trên cho mẹ con chị T. Thực tế hiện nay ông bà cũng không quản lý sử dụng thửa đất đó mà mẹ con chị T vẫn trồng cây và thu hoạch, ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà, ông bà nhất trí trả đất cho mẹ con chị T thì mẹ con chị T cũng phải trả lại cho ông bà chi phí đào ao, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất cụ thể: Tiền làm hợp đồng chuyển đổi đất là 4.600.000đ; tiền chi phí đào ao theo giá mà hội đồng định giá đã định giá là 68.191.000đ.

+ Đối với yêu cầu của bà L về việc buộc vợ chồng ông bà phải san lấp lại mặt bằng hoặc trả giá trị tiền tương ứng với việc san lấp mặt bằng là 68.191.000đ, ông bà không nhất trí.

Bà V trình bày: Bà đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ I cho các đồng thừa kế, cụ thể chia 625m^2 đất ruộng cho 04 anh chị em trong gia đình, phần của bà thì bà tự nguyện cho ông M và ông M phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (nếu có).

Bà X trình bày: Bà đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ I cho các đồng thừa kế, cụ thể chia 625m^2 đất ruộng cho 04 anh chị em trong gia đình,

phần của bà thì bà tự nguyện cho bà L và đề nghị Tòa án giao hiện vật cho bà và bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/11/2018, Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng khoản 2 Điều 3 Luật đất đai năm 1993, khoản 1 Điều 126, khoản 1 Điều 167; khoản 3 Điều 210 Luật đất đai; Điều 4 Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; các Điều 631; 632; 633; 634; 635; 674; 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166; Điều 623; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, chia di sản thừa kế của cụ I là 625m^2 đất cho bà L, bà V, bà X, ông M; chấp nhận sự tự nguyện của bà V và bà X về việc cho ông M, bà L phần di sản được hưởng. Phần di sản bà L, ông M được hưởng bằng nhau và bằng 312,5m^2. Giao cho bà L quyền sử dụng 625m^2 đất nông nghiệp và có trách nhiệm trả cho ông M 68.750.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, chị T; buộc ông M, bà H trả cho bà L, chị T 1250m^2 đất. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc bà L và chị T tiếp tục được khai thác toàn bộ cấy cối.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà L, chị T về việc buộc ông M, bà H phải san lấp ao, nếu không san lấp thì phải trả chi phí đào ao bằng tiền.

- Chấp nhận yêu cầu của ông M, bà H về việc đòi lại lệ phí làm hợp đồng chuyển đổi và chi phí đào ao.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2018, ông M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật.

Ngày 11/12/2018, bà L, chị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu ông M, bà H san lấp ao trước khi trả lại đất và không đồng ý việc xác định vị trí tại sơ đồ hiện trạng ban hành kèm theo.

Ngày 13/5/2019, chị T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo của chị và bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà L và chị T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Ông M xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị T và bà L; không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí thì đề nghị HĐXX miễn án phí cho ông M, bà L; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Trước khi mở phiên tòa, chị T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo của chị và bà L. Tại phiên tòa chị T và bà L có mặt và xác định việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nên cần chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 284, 289 BLTTDS.

- Kháng cáo của ông M trong thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung, xét kháng cáo của ông M thì thấy:

Di sản thừa kế của cụ I gồm 625m^2 đất nông nghiệp tại khu đồng Trong trị giá 137.500.000đ, được chia đều cho 4 người con là bà L, bà V, bà X, ông M. Do bà V tự nguyện cho phần di sản được hưởng cho ông M, bà X tự nguyện cho phần di sản được hưởng cho bà L và bà L, ông M cũng đồng ý nên bà L, ông M mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 68.750.000đ tương đương 312,5m^2 đất.

Bà L và ông M đều có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật. Tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định *"Đối với thửa đất trồng lúa, trồng cây hàng năm nằm ngoài khu dân cư, diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách thửa là 500m^2"*. Tuy nhiên giá trị phần di sản thừa kế bà L và ông M mỗi người được hưởng là 321,5m^2 nên không thể giao hiện vật cho cả bà L và ông M. Đồng thời theo phần di sản thừa kế nằm trong thửa đất bà L, chị T đang sử dụng; nếu giao toàn bộ di sản cho ông M bằng hiện vật và ông M trả giá trị phần di sản của bà L bằng tiền thì phần đất của ông M ở phía bên trong không có lối đi. Do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ trên quy định của UBND tỉnh, hiện trạng sử dụng đất và giao toàn bộ phần di sản thừa kế bằng hiện vật cho bà L và buộc bà L trả cho ông M phần giá trị di sản ông M được hưởng 68.750.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích trên thì thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà L và chị T rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm. Ông M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do bà L thuộc hộ nghèo, cận nghèo và ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 284, Điều 289, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019; bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G về việc: Không buộc ông Trần Đình M và bà Hoàng Thị H phải san lấp ao hoặc trả cho bà Trần Thị L và chị Trần Thị T chi phí đào ao 68.191.000đ, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương về việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Giao cho bà Trần Thị L được quyền sử dụng 625m^2 đất nông nghiệp tại thửa số 735 tờ bản đồ 05, địa chỉ khu đồng Trong, thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho ông Trần Đình M số tiền **68.750.000đ** *(Sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Về án phí phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị L và ông Trần Đình M.

- Chị Trần Thị T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2017/0003270 ngày 04/01/2019; chị T đã nộp đủ, hoàn trả chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 17/5/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đăng Huy